TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 28 - 02 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long:*** Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-DS ngày 02/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Địa chỉ: số A, Khu phố M, Thị trấn G1, huyện G2, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trung Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: số M, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2. Nguyễn Nhân Vĩnh C, sinh năm 1995 (vắng mặt)

3. Nguyễn Nhân Thiện Y, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số nhà B, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Công ty T) trình bày:

Ngày 10/5/2008, Công ty T và ông Nguyễn Quốc H ký kết Hợp đồng kinh tế, nội dung thỏa thuận: ông Nguyễn Văn L đại diện Công ty T góp vốn ông Nguyễn Quốc H nhận số tiền 650.000.000đ, kinh doanh trong 03 tháng, mỗi tháng ông H trả tiền lãi Công ty T là 20.000.000đ, trong vòng 03 tháng phải hoàn trả vốn. Ông H thế chấp Công ty T bản chính một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A, ngày cấp 04/11/2004. Do ông H không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, ngày 16/2/2009, ông H viết Tờ cam kết hẹn trả nợ vốn, nội dung cam kết đến ngày 30/9/2009 trả ông L vốn, lãi. Tuy nhiên, ông H vẫn không thực hiện theo cam kết.

Công ty T khởi kiện, yêu cầu hộ ông H trả công ty số tiền vốn 650.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. Công ty T đồng ý trả lại ông H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A, ngày cấp 04/11/2004.

Đối với bị đơn Nguyễn Quốc H cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và con ông H: Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông H cùng vợ và con ông H gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhiều lần, không rõ lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Quốc H trả Công ty T số tiền 650.000.000đ, không yêu cầu trả lãi, không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc ông H trả Công ty T số tiền 650.000.000đ. Buộc Công ty T trả ông H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A, ngày cấp 04/11/2004. Buộc ông H nộp 30.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty T khởi kiện ông H yêu cầu trả lại tiền vì cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, bà M, C, Y. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng kinh tế ngày 10/5/2008, Tờ cam kết hẹn trả nợ vốn ngày 16/02/2009 (thỏa thuận trả nợ vốn) được ký kết giữa Công ty T và ông H vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đã có hiệu lực thi hành, nên áp dụng pháp luật dân sự giải quyết, cụ thể Bộ luật Dân sự năm 2015 do giao dịch dân sự đang được thực hiện với nội dung, hình thức phù hợp quy định Bộ luật Dân sự năm 2015. Giao dịch được xác lập thể hiện ông H với tư cách cá nhân vay tiền, có thỏa thuận lãi, có kỳ hạn và nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả vốn, đây là hợp đồng vay tài sản.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chứng minh yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng kinh tế ngày 10/5/2008, Tờ cam kết hẹn trả nợ vốn ngày 16/2/2009 có chữ ký tên, viết họ và tên ông Nguyễn Quốc H. Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập cung cấp lời khai, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập dự phiên tòa sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Như vậy, ông H cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ chối, không tham gia quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án, không cung cấp văn bản phản đối tình tiết, sự kiện do nguyên đơn đưa ra. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc ông H trả Công ty T số tiền 650.000.000đ. Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A, ngày cấp 04/11/2004, buộc Công ty T trả lại ông H.

[3] Án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc H nộp 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Buộc ông Nguyễn Quốc H trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T trả ông Nguyễn Quốc H bản chính một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K, ngày cấp 04/11/2004.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc ông Nguyễn Quốc H nộp 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền tạm ứng án phí 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) theo biên lai số No 0003835 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 5;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Vân